



CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC**NỘI DUNG****TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

3 - 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5 - 6

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

9 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	
Ông Ngô Hữu Hùng	Thành viên	
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Ông Hà Đăng Luyện	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Ông Hồ Chương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Bà Đoàn Bích Hạnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Quốc Phi	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2017)
Ông Vũ Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị



Hồ Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đại diện theo Pháp luật

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Số: 322 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Công ty liên kết của Công ty) với số tiền là 40.488.371.419 VND và chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 40.488.371.419 VND và 0 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về giá trị của khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 vì chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có một số khoản phải thu khác với số tiền là 313.556.316.304 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 312.160.260.310 VND). Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với các khoản phải thu khác nêu trên và chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khác này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần với một cá nhân. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo này, sổ đăng ký cổ đông của Công ty không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này. Công ty đã nhận được Thông báo số 114/TB-TLVA ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án liên quan đến tranh chấp phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện nêu trên. Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		507.312.851.404	435.839.106.467
I. Tiền	110	4	4.525.253.741	4.375.449.851
1. Tiền	111		4.525.253.741	4.375.449.851
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	42.000.000	42.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(304.000.000)	(304.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		498.963.258.407	427.178.055.319
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.525.852.068	38.396.690.826
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.327.182.050	3.517.653.722
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	11.800.000.000	16.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	482.978.136.084	406.281.622.566
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(37.667.911.795)	(37.667.911.795)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.145.419.466	870.505.567
1. Hàng tồn kho	141		1.284.993.603	1.010.079.704
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(139.574.137)	(139.574.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.636.919.790	3.373.095.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.246.842.868	2.923.095.731
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.652.401	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	386.424.521	449.999.999
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		691.604.095.650	766.003.528.489
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.485.926.400	51.409.326.400
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	48.215.000.000	48.215.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	4.270.926.400	3.194.326.400
II. Tài sản cố định	220		206.529.667.062	229.361.573.219
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	184.049.842.946	211.922.340.161
- Nguyên giá	222		447.625.831.148	488.329.011.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(263.575.988.202)	(276.406.671.238)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	22.479.824.116	17.439.233.058
- Nguyên giá	225		25.707.030.894	18.718.318.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.227.206.778)	(1.279.085.112)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		78.897.000	78.897.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.897.000)	(78.897.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	172.532.326.677	174.515.456.871
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.780.692.523)	(23.797.562.329)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		243.172.337.029	292.164.337.029
1. Đầu tư vào công ty con	251	5, 15	202.740.708.448	235.106.708.448
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5, 16	79.000.000.000	79.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	1.920.000.000	18.546.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(40.488.371.419)	(40.488.371.419)
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.883.838.482	18.552.834.970
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	16.883.838.482	18.552.834.970
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.198.916.947.054	1.201.842.634.956

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		646.122.987.486	661.700.129.805
I. Nợ ngắn hạn	310		374.586.064.134	355.030.405.555
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	11.407.511.679	10.865.031.786
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.622.555.125	1.196.747.887
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	7.390.657.994	7.793.682.633
4. Phải trả người lao động	314		5.897.900.244	6.027.651.482
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	6.236.752.346	6.218.683.643
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		410.926.113	382.314.559
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	167.687.698.519	148.329.225.966
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	169.819.440.581	169.602.275.702
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.112.621.533	4.614.791.897
II. Nợ dài hạn	330		271.536.923.352	306.669.724.250
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	201.920.045.518	215.087.665.795
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	69.616.877.834	91.582.058.455
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		552.793.959.568	540.142.505.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	552.793.959.568	540.142.505.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.214.045.652	28.214.045.652
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.926.593.916	38.275.139.499
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.275.139.499	14.933.877.487
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.651.454.417	23.341.262.012
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.198.916.947.054	1.201.842.634.956


Nguyễn Văn Nga
Người lập biểu


Nguyễn Thị Trường Anh
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	170.219.937.562	195.901.202.271
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		170.219.937.562	195.901.202.271
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	155.408.052.150	177.817.913.765
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.811.885.412	18.083.288.506
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	15.777.885.354	3.741.372.670
7. Chi phí tài chính	22	29	13.620.017.223	12.287.511.023
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.764.017.223	12.287.511.023
8. Chi phí bán hàng	25	30	7.340.978.989	4.328.499.756
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	18.574.622.813	16.951.818.492
10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(8.945.848.259)	(11.743.168.095)
11. Thu nhập khác	31	32	24.756.241.598	15.570.787.093
12. Chi phí khác	32	33	3.095.363.444	2.558.248.375
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		21.660.878.154	13.012.538.718
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.715.029.895	1.269.370.623
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	63.575.478	368.897.761
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.651.454.417	900.472.862


Nguyễn Văn Nga
Người lập biểu


Nguyễn Thị Trường Anh
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.715.029.895	1.269.370.623
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	37.399.931.645	40.956.364.913
Các khoản dự phòng	03	-	139.574.137
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(32.773.410.421)	(9.631.023.973)
Chi phí lãi vay	06	11.764.017.223	12.287.511.023
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.105.568.342	45.021.796.723
Thay đổi các khoản phải thu	09	4.842.435.932	66.282.588.225
Thay đổi hàng tồn kho	10	(274.913.899)	342.152.515
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.594.379.394	(90.647.300.255)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.341.596.950	4.376.669.208
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.209.558.911)	(12.556.524.926)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(2.179.373.389)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.502.170.364)	(773.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54.897.337.444	9.866.708.101
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.870.843.526)	(53.467.298.175)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.056.350.089	11.746.206.646
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.850.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(13.700.000.000)
6. Tiền thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.246.115.354	3.741.372.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.718.378.083)	(59.679.718.859)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.206.636.982	84.322.759.123
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(44.769.951.644)	(35.688.729.172)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.603.099.984)	(1.239.800.004)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.862.740.825)	(967.060.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45.029.155.471)	46.427.169.947
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	149.803.890	(3.385.840.811)
Tiền đầu kỳ	60	4.375.449.851	8.420.521.065
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	4.525.253.741	5.034.680.254

Nguyễn Văn Nga
Người lập biểu

Nguyễn Thị Trường Anh
Kế toán trưởng

Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320.000 VND.

Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.410 (31 tháng 12 năm 2016: 1.442).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ oải.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Theo Quyết định số 08/2017/QĐ-HĐQT.MLMB ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An cho ông Hồ Huy, ông Hồ Chương và ông Hồ Đình Việt với tổng giá trị chuyển nhượng là 30.530.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã hạch toán giảm khoản đầu tư công ty con tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An tại ngày 12 tháng 4 năm 2017.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Nhuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	Dịch vụ taxi
2	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	Dịch vụ taxi
3	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	Dịch vụ taxi
4	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	Dịch vụ taxi
5	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	Dịch vụ taxi
6	Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	Dịch vụ taxi
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	Dịch vụ taxi
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	Dịch vụ taxi
9	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	Dịch vụ taxi
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	Dịch vụ taxi
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	Dịch vụ taxi
12	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	Dịch vụ taxi
13	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	Dịch vụ taxi
14	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	Dịch vụ taxi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2017 VND	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	79.000.000.000	Dịch vụ taxi
					79.000.000.000	

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty để có được các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ này (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	06 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Khác	03 - 05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Kỳ này

(Số năm)

06 - 09

Phương tiện vận tải

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí thuê nhãn hiệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhãn hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trên thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời gian và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	19.527.913	94.158.831
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.505.725.828	4.281.291.020
	4.525.253.741	4.375.449.851

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỄN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

b1. Đầu tư vào công ty con

Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương
 Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên
 Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình
 Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức
 Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên
 Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	202.740.708.448	-	235.106.708.448	-
	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
	11.100.000.000	-	11.100.000.000	-
	20.028.413.448	-	20.028.413.448	-
	10.400.000.000	-	10.400.000.000	-
	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
	17.116.295.000	-	17.116.295.000	-
	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	-	-	32.366.000.000	-
	6.800.000.000	-	6.800.000.000	-
	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
	25.463.000.000	-	25.463.000.000	-
	38.733.000.000	-	38.733.000.000	-
	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)
	79.000.000.000	(40.488.371.419)	79.000.000.000	(40.488.371.419)

b2. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ
 và Tây Nguyên (*)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b3. Đầu tư vào đơn vị khác	1.920.000.000	-	18.546.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long (**)	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	-	16.626.000.000	-
b4. Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ	Kỳ này		Kỳ trước	
<i>Công ty con</i>				
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Có lãi		Có lãi	
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Đã thoái vốn		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Lỗ		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Có lãi		Có lãi	
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Có lãi		Có lãi	
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Có lãi		Có lãi	

Kỳ này Kỳ trước

b4. Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ (Tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và
Tây Nguyên (*)

Không thu thập được Không thu thập được

(*) Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên dựa trên báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với số tiền là 40.488.371.419 VND.

Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng bổ sung nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

(**) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, Công ty chưa xác định được có cần thiết phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 36 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị nhận đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	2.803.811.513	2.803.811.513
Các khách hàng khác	35.722.040.555	35.592.879.313
	38.525.852.068	38.396.690.826

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	150.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	2.000.000.000	2.000.000.000
	11.800.000.000	16.650.000.000
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
	48.215.000.000	48.215.000.000
Trong đó		
Các khoản phải thu về cho vay các bên liên quan (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	60.015.000.000	64.865.000.000

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu các công ty con (i)	20.923.161.511	12.714.573.840
- Phải thu các đơn vị trong cùng Tập đoàn Mai Linh (i)	379.557.828.636	379.892.148.701
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh (ii)	15.597.446.583	5.860.481.451
- Ông Hồ Chương (iii)	40.800.000.000	-
- Ông Hồ Huy (iii)	5.540.000.000	-
- Ông Hồ Đình Việt (iii)	3.200.000.000	-
- Phải thu người lao động	1.679.314.512	2.086.711.054
- Tạm ứng	1.688.298.842	1.323.027.528
- Phải thu khác	13.992.086.000	4.404.679.992
	482.978.136.084	406.281.622.566
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	4.270.926.400	3.194.326.400
	4.270.926.400	3.194.326.400
Trong đó		
Các khoản phải thu khác các bên liên quan (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	448.148.315.171	391.622.069.163

- (i) Số phải thu các công ty con và các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ Công ty nhờ thu hộ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa...

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với một số khoản phải thu khác với số tiền là 313.556.316.304 VND. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng nếu có cho khoản phải thu này.

- (ii) Phản ánh số tiền phải thu chủ đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến số tiền chưa thanh toán phải thu hàng tháng.
- (iii) Phản ánh số tiền phải thu về việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An và Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

9. NỢ XẤU

		Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.571.308.556	695.759.147	21.445.308.556	569.759.147
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	695.759.147	695.759.147	569.759.147	569.759.147
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409	-	20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.637.024.788	1.102.878.479	10.637.024.788	1.102.878.479
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	1.102.878.479	1.102.878.479	1.102.878.479	1.102.878.479
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309	-	9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
Đối tượng khác	2.288.444.762	14.061.719	2.299.070.962	24.687.919
	39.480.611.140	1.812.699.345	39.365.237.340	1.697.325.545

10. HÀNG TỒN KHO

		Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.282.902.747	(139.574.137)	972.079.756	(139.574.137)
Hàng hoá	2.090.856	-	37.999.948	-
	1.284.993.603	(139.574.137)	1.010.079.704	(139.574.137)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	1.784.156.187	2.058.000.638
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	462.686.681	865.095.093
	2.246.842.868	2.923.095.731
b. Dài hạn		
Chi phí thuê nhãn hiệu	15.274.428.895	16.934.848.482
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	176.937.708	236.000.013
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.432.471.879	1.381.986.475
	16.883.838.482	18.552.834.970

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Xe hợp tác kinh doanh	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	370.000.000	331.030.070	188.246.979.050	297.705.018.103	1.600.984.176	75.000.000	488.329.011.399
Mua sắm mới	-	-	10.623.901.134	-	-	-	10.623.901.134
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(32.507.759.929)	32.507.759.929	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.599.922.424)	(48.727.158.961)	-	-	(51.327.081.385)
Số dư cuối kỳ	370.000.000	331.030.070	163.763.197.831	281.485.619.071	1.600.984.176	75.000.000	447.625.831.148
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu kỳ	292.083.338	331.030.070	53.494.799.711	220.633.402.882	1.580.355.237	75.000.000	276.406.671.238
Trích khấu hao trong kỳ	13.750.022	-	14.449.192.411	18.985.108.413	20.628.939	-	33.468.679.785
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(10.202.232.341)	10.202.232.341	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.175.625.645)	(44.123.737.176)	-	-	(46.299.362.821)
Số dư cuối kỳ	305.833.360	331.030.070	55.566.134.136	205.697.006.460	1.600.984.176	75.000.000	263.575.988.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu kỳ	77.916.662	-	134.752.179.339	77.071.615.221	20.628.939	-	211.922.340.161
Tại ngày cuối kỳ	64.166.640	-	108.197.063.695	75.788.612.611	-	-	184.049.842.946

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thể chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 160.564.392.732 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 241.575.969.157 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 46.843.693.530 VND (31 tháng 12 năm 2016: 22.211.240.461 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	18.718.318.170	18.718.318.170
Thuê tài chính trong kỳ	6.988.712.724	6.988.712.724
Số dư cuối kỳ	25.707.030.894	25.707.030.894
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	1.279.085.112	1.279.085.112
Trích khấu hao trong kỳ	1.948.121.666	1.948.121.666
Số dư cuối kỳ	3.227.206.778	3.227.206.778
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	17.439.233.058	17.439.233.058
Tại ngày cuối kỳ	22.479.824.116	22.479.824.116

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ**

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	198.313.019.200	198.313.019.200
Số dư cuối kỳ	198.313.019.200	198.313.019.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	23.797.562.329	23.797.562.329
Khấu hao trong kỳ	1.983.130.194	1.983.130.194
Số dư cuối kỳ	25.780.692.523	25.780.692.523
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	174.515.456.871	174.515.456.871
Tại ngày cuối kỳ	172.532.326.677	172.532.326.677

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 172.532.326.677 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 174.515.456.871 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong kỳ là 1.983.130.194 VND (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 1.983.130.194 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

	Giá trị còn lại	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	56.330.428.683	56.977.904.875
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại phường An Lạc, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	116.201.897.994	117.537.551.996
	172.532.326.677	174.515.456.871

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
2	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
3	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
4	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
5	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
6	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
7	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
8	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
9	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
12	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
13	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
14	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	96%	Dịch vụ taxi
15	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	Dịch vụ taxi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	3.086.861.900	2.345.012.900
Khác	8.320.649.779	8.520.018.886
	11.407.511.679	10.865.031.786

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ
	Số đầu kỳ	Số phải nộp/ thu trong kỳ	Số đã thực nộp/ thu trong kỳ	
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	449.999.999	63.575.478	-	386.424.521
	449.999.999	63.575.478	-	386.424.521
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	7.270.256.153	25.436.822.039	25.796.368.637	6.910.709.555
- Thuế GTGT đầu ra	7.270.256.153	25.436.822.039	25.796.368.637	6.910.709.555
Các loại thuế khác	523.426.480	1.351.108.915	1.394.586.956	479.948.439
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	523.426.480	1.348.108.915	1.391.586.956	479.948.439
	7.793.682.633	26.787.930.954	27.190.955.593	7.390.657.994

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	3.822.395.377	3.267.937.065
Trích trước chi phí tiền lương	2.278.000.000	2.819.147.842
Các khoản khác	136.356.969	131.598.736
	6.236.752.346	6.218.683.643

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả các công ty con	63.132.488.666	54.038.186.899
Phải trả Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	7.985.665.375	7.488.547.779
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	2.681.700.133	2.685.594.133
Các khoản thu chi hộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	30.330.064.744	30.324.358.544
Phải trả cổ tức	9.463.389.315	8.727.665.515
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	21.579.550.084	17.944.093.070
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	469.558.583	259.464.593
Phải trả thẻ MCC	9.116.114.060	6.212.106.234
Nhà thầu cung cấp cho Công ty Cổ phần TeLin Vạn Hương	1.794.802.854	1.794.802.854
Bảo hiểm xã hội, y tế	3.645.250.562	1.719.263.705
Khác	17.489.114.143	17.135.142.640
	167.687.698.519	148.329.225.966
b. Dài hạn		
Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	177.679.974.978	192.413.157.168
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	13.493.598.346	12.192.860.382
Đặt cọc của lái xe	10.746.472.194	10.481.648.245
	201.920.045.518	215.087.665.795
Trong đó		
Các khoản phải trả khác các bên liên quan (Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	74.966.468.841	65.763.070.008

- (i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu kỳ VND		Phát sinh trong kỳ VND		Số cuối kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - cá nhân (i)	11.527.000.594	11.527.000.594	947.195.890	7.160.000.000	5.314.196.484	5.314.196.484
Vay ngắn hạn - ngân hàng	1.350.000.000	1.350.000.000	-	1.350.000.000	-	-
Vay ngắn hạn - Công ty con (ii)	67.018.000.000	67.018.000.000	15.404.086.516	-	82.422.086.516	82.422.086.516
Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	42.439.031.108	42.439.031.108	10.464.722.561	9.792.546.946	43.111.206.723	43.111.206.723
Vay dài hạn ngắn hạn hàng đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	44.327.044.000	44.327.044.000	16.767.711.556	26.467.404.698	34.627.350.858	34.627.350.858
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	2.941.200.000	2.941.200.000	3.006.499.984	1.603.099.984	4.344.600.000	4.344.600.000
	169.602.275.702	169.602.275.702	46.590.216.507	46.373.051.628	169.819.440.581	169.819.440.581

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,66% đến 1,08%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,62%/tháng đến 1,083%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản vay các đơn vị thành viên có thời hạn dưới 12 tháng hoặc không kỳ hạn, lãi suất từ 0,2% đến 0,83%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,2%/tháng đến 0,83%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỄN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng (i)	98.259.830.843	98.259.830.843	-	26.467.404.698	71.792.426.145	71.792.426.145
Vay dài hạn cá nhân (ii)	69.549.902.720	69.549.902.720	2.192.201.480	9.792.546.946	61.949.557.254	61.949.557.254
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	13.479.600.000	13.479.600.000	6.081.552.000	1.603.099.984	17.958.052.016	17.958.052.016
Cộng	181.289.333.563	181.289.333.563	8.273.753.480	37.863.051.628	151.700.035.415	151.700.035.415

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng
(xem Thuyết minh số 21)

Số phải trả sau 12 tháng

82.083.157.581

69.616.877.834

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

(i) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (a)	42.940.615.806	54.553.124.522
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (b)	12.605.733.319	15.897.733.321
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 (c)	6.549.256.000	8.732.338.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (d)	5.904.500.020	6.748.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (e)	2.724.221.000	3.352.835.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội (f)	1.068.100.000	1.220.800.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh	-	7.755.000.000
	71.792.426.145	98.259.830.843

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

(a) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm như sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/13148 ngày 19 tháng 11 năm 2013 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 12.500.000.000 VND để đầu tư 25 xe Toyota Innova. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7.235.848.182 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.698.686.667 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 2.756.000.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.148.000.000 VND và 9,5%).
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/13156 ngày 10 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 12.620.000.000 VND để đầu tư 50 xe ô tô Kia. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7.038.981.820 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.622.752.730 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.446.400.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.078.000.000 VND và 9,5%).

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/14111 ngày 30 tháng 6 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 5.175.000.000 VND để đầu tư 20 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 3.496.121.973 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.087.849.247 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.323.000.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.965.000.000 VND và 9,5%).
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/14119 và các phụ lục từ ngày 25 tháng 7 năm 2014 có thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với tổng hạn mức là 20.000.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 14.931.251.530 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.298.160.624 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 5.730.775.822 VND và chịu lãi suất 10,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.396.956.522 VND và 9,5%).
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/15156 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 63.413.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Toyota Vios, 50 xe ô tô Toyota Innova, 50 xe ô tô Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả ngày 26 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 51.191.055.291 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 56.904.224.986 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 31.684.436.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 36.965.168.000 VND và 9,5%).
- (b) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 02/2015/231/HĐTD ngày 29 tháng 9 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 27.000.000.000 VND để đầu tư 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 300.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 15.217.871.725 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.999.229.302 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 8.744.500.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.544.500.000 VND và 10,9%).

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2015/231/HĐTD ngày 11 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND để đầu tư 20 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 20 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.142.090.913 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.733.818.187 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 2.230.000.000 VND và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.830.000.000 VND và 10,9%).
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTDTH ngày 15 tháng 01 năm 2014 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Nissan Sunny hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.233.303.637 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.068.731.718 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.468.000.000 VND và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.260.000.000 VND và 11,9%).
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2013/HĐTDTH ngày 06 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 04 năm với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 01 xe Camry hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 538.986.364 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 646.783.637 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 163.233.319 VND và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 263.233.321 VND và 11,9%).
- (c) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng số 01/2014/231/HĐTDTH ngày 10 tháng 12 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 16.905.000.000 VND để đầu tư 70 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 16 kỳ vào ngày 25 của tháng 3,6,9,12 hàng năm, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 70 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 14.063.384.863 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.109.775.017 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 6.549.256.000 VND và chịu lãi suất 10,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.732.338.000 VND và 10,3%).

- (d) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng 20.06.16/HDTD/NHN ngày 29 tháng 6 năm 2016 có thời hạn giải ngân 6 tháng kể từ ngày hợp đồng với tổng hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua xe ô tô kinh doanh, phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn khế ước nhận nợ là 54 tháng đối với xe Hyundai Grand i10, Toyota Vios, Nissan Sunny, Toyota Innova và thời hạn khế ước 48 tháng đối với xe Kia Morning với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 9.197.027.269 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.132.318.178 VND) (xem Thuyết minh số 12). Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Tiên Phong và được trả lãi hàng tháng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 5.904.500.020 VND và chịu lãi suất 9,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.748.000.000 VND và 9,3%).
- (e) Các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201600031 ngày 18 tháng 01 năm 2016 có thời hạn 43 tháng với tổng hạn mức là 632.800.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Ford Transit. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được trả hàng tháng, thời gian ân hạn 01 tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Ford Transit hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 629.923.637 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 699.915.152 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 391.728.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 482.130.000 VND và 10%).
 - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201301132 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức là 2.478.000.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Mercedes S400. Khoản vay này sẽ được trả tại ngày 25 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ lãi suất 3,5% và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Mercedes S400 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 3.035.818.182 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.217.967.273 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.722.000.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.974.000.000 VND và 10%).
 - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201300669 ngày 10 tháng 8 năm 2015 có thời hạn 43 tháng với tổng hạn mức là 871.500.000 VND để đầu tư 01 xe ô tô Hyundai 29 chỗ. Khoản vay này sẽ được trả tại ngày 25 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ lãi suất 3% và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 01 xe Hyundai 29 chỗ hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 879.587.784 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 951.882.671 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 445.893.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 567.495.000 VND và 9,5%).
 - Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng 1303LAV201300600 ngày 20 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 1.289.400.000 VND để đầu tư 02 xe ô tô Ford. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần kể từ ngày giải ngân đến ngày 20 tháng 12 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là 02 xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 789.827.273 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 947.792.727 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.014.000.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.100.000.000 VND và 10%).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

- (f) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng 08/2016/HĐTĐTDH-TC/SHB.111704 ngày 26 tháng 12 năm 2016 có thời hạn 48 tháng để thanh toán tiền mua 02 xe ô tô Ford Transit 16 chỗ. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.463.488.132 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.621.094.546 VND) (xem Thuyết minh số 12). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 1.068.100.000 VND và chịu lãi suất 11,35%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.220.800.000 VND và 10%).

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
Trong vòng một năm	34.627.350.858	44.327.044.000
Trong năm thứ hai	21.327.143.275	29.164.027.835
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	15.837.932.012	24.768.759.008
	71.792.426.145	98.259.830.843
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 21)	34.627.350.858	44.327.044.000
Số phải trả sau 12 tháng	37.165.075.287	53.932.786.843

- (ii) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ 15 đến 24 tháng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lãi suất từ 0,74%/tháng đến 0,93%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,7%/tháng đến 0,84%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn cá nhân được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Nợ dài hạn khác		
Trong vòng một năm	43.111.206.723	42.439.031.108
Trong năm thứ hai	18.838.350.531	27.110.871.612
	61.949.557.254	69.549.902.720
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 21)	43.111.206.723	42.439.031.108
Số phải trả sau 12 tháng	18.838.350.531	27.110.871.612

- (iii) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Nợ dài hạn thuê tài chính		
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	17.958.052.016	13.479.600.000
	17.958.052.016	13.479.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

- (a) Các khoản nợ thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam như sau:
- Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01.035/2016/TSC-CTTC từ ngày 24 tháng 6 năm 2016 đến ngày 24 tháng 6 năm 2021 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 20.265.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 12.009.000.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 13.479.600.000 VND và 11%).
 - Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01.014/2017/TSC-CTTC từ ngày 06 tháng 3 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2021 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức 7.738.020.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất huy động vốn đối với cá nhân của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 5.949.052.000 VND và chịu lãi suất 9,5%/năm.

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	4.344.600.000	2.941.200.000
Trong năm thứ hai	1.590.000.000	2.941.200.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.023.452.016	7.597.200.000
	17.958.052.016	13.479.600.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 21)	4.344.600.000	2.941.200.000
Số phải trả sau 12 tháng	13.613.452.016	10.538.400.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	486.253.320.000	(12.600.000.000)	28.214.045.652	40.236.243.487	542.103.609.139
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	23.341.262.012	23.341.262.012
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.619.700.000)	(1.619.700.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(23.682.666.000)	(23.682.666.000)
Số dư đầu kỳ này	486.253.320.000	(12.600.000.000)	28.214.045.652	38.275.139.499	540.142.505.151
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	12.651.454.417	12.651.454.417
Số dư cuối kỳ này	486.253.320.000	(12.600.000.000)	28.214.045.652	50.926.593.916	552.793.959.568

Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VND. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	95	100
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý (i)	211.850.533	211.850.533
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Nhôm Yeh Young Việt Nam	112.077.820	112.077.820
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	69.511.470	69.511.470
Ông Tô Thường	29.712.000	29.712.000
Ông Võ Tuấn Dũng	549.243	549.243
	211.850.533	211.850.533

(i) Các khoản nợ khó đòi đã xử lý theo phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc do các đối tượng nêu trên không có thông tin liên lạc.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	146.331.622.845	151.004.779.987
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	3.806.823.197	4.388.741.783
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	842.309.599	2.184.299.398
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	9.663.564.442	25.348.280.412
Doanh thu cho thuê tài sản	90.880.952	1.597.493.506
Doanh thu dịch vụ khác	9.484.736.527	11.377.607.185
	170.219.937.562	195.901.202.271
Trong đó		
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36)	73.602.482.637	116.654.816.079

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí dịch vụ taxi	140.998.021.020	139.278.271.916
Chi phí dịch vụ xe cho thuê	4.100.666.832	4.469.607.732
Chi phí dịch vụ sửa chữa	26.578.000	1.327.782.831
Chi phí nhượng bán tài sản, vật tư	8.960.733.155	24.484.296.791
Chi phí cho thuê tài sản	31.743.098	652.020.417
Chi phí dịch vụ khác	1.290.310.045	7.605.934.078

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.753.181.345	35.722.454.909
Chi phí nhân công	78.584.178.492	74.416.086.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.416.801.451	38.973.234.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.240.599.378	17.387.302.034
Chi phí khác bằng tiền	10.368.160.131	8.114.856.951
	172.362.920.797	174.613.935.222

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.472.115.354	3.741.372.670
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	1.774.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.531.770.000	-
	15.777.885.354	3.741.372.670

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	11.004.206.602	12.095.818.429
Lãi thuê tài chính	759.810.621	191.692.594
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.836.000.000	-
Chi phí tài chính khác	20.000.000	-
	13.620.017.223	12.287.511.023

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phí nhãn hiệu (i)	3.284.662.004	1.725.482.121
Chi phí nhân công	2.317.151.250	1.436.048.418
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.626.667.522	1.069.254.551
Chi phí khác	112.498.213	97.714.666
	7.340.978.989	4.328.499.756

(i) Chi phí nhãn hiệu phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	11.357.412.497	11.033.975.923
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	1.573.530.312	1.910.378.909
Chi phí khác	5.643.680.004	4.007.463.660

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

32. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.831.525.067	5.889.651.303
- <i>Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</i>	23.859.243.631	11.746.206.646
- <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</i>	5.027.718.564	5.856.555.343
Các khoản khác	5.924.716.531	9.681.135.790
	24.756.241.598	15.570.787.093

33. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.983.130.194	1.983.130.194
Chi phí khác	1.112.233.250	575.118.181
	3.095.363.444	2.558.248.375

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện tại	63.575.478	368.897.761
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	63.575.478	368.897.761
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	12.715.029.895	1.269.370.623
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(12.531.770.000)</i>	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.208.386.087</i>	<i>575.118.180</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>(1.073.768.591)</i>	
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	317.877.391	1.844.488.803
<i>Thu nhập chịu thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện tại	63.575.478	368.897.761

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lỗ tính thuế có thể được mang sang để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo, tối đa là 05 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ. Tổng lỗ thực tế có thể mang sang phụ thuộc vào kết quả kiểm tra thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ chịu thuế VND	Lỗ đã sử dụng VND	Lỗ hết hạn VND	Lỗ mang sang VND	Năm hết hạn
2016	Chưa quyết toán	1.073.768.591	1.073.768.591	-	-	2021
		1.073.768.591	1.073.768.591			

35. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần với một cá nhân. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, sổ đăng ký cổ đông của Công ty không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này. Công ty đã nhận được Thông báo số 114/TB-TLVA ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án liên quan đến tranh chấp phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Sự kiện này hình thành khoản công nợ tiềm tàng về khoản phạt đối với Công ty. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ một khoản công nợ phải trả nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Các công ty con

Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	Công ty con
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Công ty con

Các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Deluxe Taxi	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Cùng tập đoàn

Khác

Ông Hồ Huy	Cổ đông
Ông Hồ Chương	Cổ đông
Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương làm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)	Cùng chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	448.148.315.171	391.622.069.163
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	308.875.476.908	312.160.260.310
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	24.521.920.243	24.276.220.243
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.565.108.556	21.445.308.556
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	10.637.024.788	10.637.024.788
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	6.988.242.729	2.902.196.612
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	4.983.833.034
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	4.537.216.516	8.713.022.939
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	2.736.293.412	800.890.739
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	2.692.206.622	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	1.662.245.388	1.096.724.362
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	1.538.167.297	792.367.658
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	1.330.680.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thanh Hóa	1.166.986.622	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.102.016.129	1.102.016.129
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	981.179.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	961.732.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	956.908.887	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	894.583.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	795.346.389	1.311.568.142
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	793.035.651	793.035.651
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	747.000.000	607.600.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	501.878.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	445.561.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	393.673.000	-
Ông Hồ Chương	40.800.000.000	-
Ông Hồ Huy	5.540.000.000	-
Cho vay ngắn hạn	11.800.000.000	16.650.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	150.000.000	5.000.000.000
Cho vay dài hạn	48.215.000.000	48.215.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	72.966.468.841	63.763.070.008
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	22.641.466.060	15.706.318.489
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	9.908.297.545	6.053.075.273
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	9.344.367.470	6.708.859.471
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	8.089.521.209	3.358.884.890
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	7.985.665.375	7.488.547.779
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	3.883.531.607	1.795.400.123
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	3.802.356.962	873.043.184
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	3.480.084.311	107.578.471
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	2.427.272.730	2.427.272.730
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	1.403.905.572	922.237.489
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	-	15.391.146.216
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	-	-

00 - C
 TY
 HỮU H
 TTE
 NAM
 TP. V
 149
 IG
 PHA
 LI
 B
 T

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả dài hạn khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.920.000.000	18.546.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	16.626.000.000
Vay ngắn hạn	82.422.086.516	67.018.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	22.404.086.516	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	12.438.000.000	12.438.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	8.080.000.000	8.080.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	2.000.000.000	2.000.000.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.602.482.637	116.654.816.079
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	56.335.695.729	75.640.577.042
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	2.376.388.202	7.368.322.160
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	1.322.153.567	2.741.390.060
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	1.811.159.686	7.662.311.782
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	1.802.109.616	2.412.738.157
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	1.537.034.586	1.432.886.214
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	1.298.456.117	1.534.680.329
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	1.174.109.639	1.262.118.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	850.971.903	1.189.828.895
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	838.421.986	1.473.009.354
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	704.424.941	7.685.316.430
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	688.101.276	1.088.265.606
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	620.116.782	1.073.230.861
Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng	461.977.508	744.606.545
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	454.341.673	698.236.201
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	392.351.653	934.869.408
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	313.318.906	516.354.128
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	312.022.310	507.958.960
	200.276.557	688.115.947

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Mua hàng và dịch vụ cung cấp	16.851.883.640	2.441.224.095
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	11.717.939.978	543.954.546
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	2.135.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	1.114.430.808	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	856.794.822	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thanh Hóa	428.854.929	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	185.750.000	55.047.006
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	122.146.500	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	85.260.091	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	82.808.636	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	62.402.727	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	60.495.149	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	1.842.222.543
Chi phí tài chính	3.182.223.894	1.886.040.000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	974.583.894	201.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	540.000.000	406.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	383.184.000	383.184.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	269.400.000	242.600.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	264.000.000	237.200.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	160.800.000	107.200.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	149.256.000	149.256.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	120.600.000	40.200.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	120.600.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	119.400.000	119.400.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nghệ An	80.400.000	-
Doanh thu tài chính	13.408.370.000	2.078.057.221
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	2.478.427.000	134.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	1.525.220.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	1.330.680.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	981.179.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	961.732.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	937.478.000	93.800.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	894.583.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	639.673.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	501.878.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	497.853.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	448.342.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	445.561.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	393.673.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	341.396.000	148.933.333
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	275.100.000	947.203.888
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	245.700.000	245.700.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Thái Nguyên	234.495.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Hồ Huy	149.400.000	149.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	126.000.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	-	238.420.000
	-	120.600.000

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần	45.730.000.000	-
Ông Hồ Chương	40.800.000.000	-
Ông Hồ Huy	4.930.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.568.694.335	1.158.915.006
	1.568.694.335	1.158.915.006

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

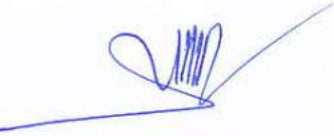
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 599.400.000 VND (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 882.500.000 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm 48.930.000.000 VND, là số tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

38. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Quyết Định số 545/QĐ-SGDHN ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trên sàn UpCOM với những nội dung sau:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mã chứng khoán: MLN;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 48.625.332 cổ phiếu;
- Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ Sáu, ngày 25 tháng 8 năm 2017.


Nguyễn Văn Nga
Người lập biểu


Nguyễn Thị Trường Anh
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017